

Bản án số: 22/2025/HS-PT

Ngày 04 - 4 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Ứng

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Hải Âu và ông K'Tiêng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Vũ Trí - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyễn - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 31-3 và 04-4-2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 119/2024/TLPT-HS ngày 27 tháng 11 năm 2024 đối với Bùi Thị Th do có kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 37/2024/HS-ST ngày 22-7-2024 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức.

Bị cáo bị kháng cáo: Bùi Thị Th, sinh năm 1985 tại tỉnh Bình Phước; nơi cư trú: Khu phố P, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn C và bà Hoàng Thị Nh; có chồng là Trần Duy B (đã ly hôn) và 02 con; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 29-12-2022, tại ngoại - Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Bùi Thị Th: Ông Phan Long C, Luật sư Công ty Luật TNHH MTV NT Miền Nam - Chi nhánh huyện T thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đắk Nông; địa chỉ: Thôn 02, xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông - Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Ông Tôn Long Ng, sinh năm 1968 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1968; địa chỉ: Thôn 02, xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông - Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1975; địa chỉ: Tổ dân phố 16, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk - Có mặt tại phiên tòa, vắng mặt khi tuyên án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Ng, bà T: Ông Lê Xuân Anh Ph và ông Nguyễn Văn L, Luật sư Công ty Luật TNHH MTV TC và Cộng sự thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: Số 97 P, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk - Vắng mặt.

- Anh Nguyễn Thành Đ, sinh năm 1986; địa chỉ: Tổ 2, Khu phố 3, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước - Vắng mặt.

- Ông Hà Thọ B, sinh năm 1969 và bà Lê Thị K, sinh năm 1974; địa chỉ: Khu phố 3, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước - Vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1971; địa chỉ: Khu phố X, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước - Vắng mặt.

- Anh Bùi Ngọc T, sinh năm 1987; địa chỉ: Khu phố T, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước - Vắng mặt.

- Chị Hoàng Thị Như Q, sinh năm 1992; địa chỉ: Ấp 1, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Phước - Vắng mặt.

- Chị Bùi Thị T, sinh năm 1994; địa chỉ: Tổ 2, khu phố T, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước - Vắng mặt.

- Ông Lê Văn H, sinh năm 1969; địa chỉ: Ấp 4, phường M, thị xã C, tỉnh Bình Phước - Vắng mặt.

- Bà Lê Thị H, sinh năm 1973; địa chỉ: Đường TC3, Khu phố 3, phường M, thị xã (nay là thành phố) B, tỉnh Bình Dương - Vắng mặt.

- Chị Trần Thị Thu H, sinh năm 1998; địa chỉ: Số 11 L, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước - Vắng mặt.

Người làm chứng:

- Bà Phạm Thị L, sinh năm 1959; địa chỉ: Thôn 02, xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông - Vắng mặt.

- Chị Tôn Nữ Ngọc Nh, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn 02, xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông - Vắng mặt.

- Anh Nguyễn Tiền P, sinh năm 1982; địa chỉ: Khu phố 7, phường L, thị xã P, tỉnh Bình Phước - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, vụ án được tóm tắt như sau:

Do có mối quan hệ quen biết từ trước nên từ đầu tháng 02-2022 đến đầu tháng 3-2022, Bùi Thị Th nhiều lần cho ông Tôn Long Ng và bà Nguyễn Thị T vay tiền, khi vay không lập giấy tờ. Ngày 17-3-2022, tại nhà bà Phạm Thị L thuộc

thôn 02, xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông, giữa Bùi Thị Th và ông Tôn Long Ng, bà Nguyễn Thị T chốt lại tổng số tiền vay là 900.000.000 đồng rồi lập một giấy vay tiền, có người làm chứng là bà Phạm Thị L, hai bên thỏa thuận lãi suất 8.000 đồng/1 ngày/1.000.000 đồng, tuy nhiên việc thỏa thuận lãi suất không ghi vào giấy vay tiền.

Phương thức Bùi Thị Th tính lãi suất như sau: trong vòng 30 ngày kể từ ngày vay, người vay sẽ phải trả cả gốc lẫn lãi, nếu không trả được thì số tiền lãi phát sinh sẽ được cộng vào số tiền gốc thành nợ mới, số nợ mới tiếp tục nhân với lãi suất trong 30 ngày tiếp theo. Từ ngày 17-3-2022 đến ngày 28-12-2022 ông Ng, bà T nhiều lần trả tiền lãi bằng hình thức chuyển khoản và tiền mặt, với số tiền 1.312.900.000 đồng cho Th. Ngày 29-12-2022, Th đến nhà ông Ng thuộc thôn 02, xã Đ, huyện T đòi nợ. Tại đây, giữa Th và ông Ng, bà T chốt số tiền vay gốc là 900.000.000 đồng, lãi phát sinh từ ngày 17-3-2022 đến ngày 31-12-2022 là 6.211.664.337 đồng, quá trình tính lãi suất hàng tháng (30 ngày) Th bỏ phần tiền lẻ nên số tiền lãi chốt lại là 6.097.000.000 đồng. Lúc này, ông Ng, bà T trả thêm cho Th 50.000.000 đồng tiền lãi. Sau đó, hai bên lập giấy xác nhận nợ và cùng ký. Khi hai bên đang giao dịch, chị Tôn Nữ Ngọc Nh (con gái ông Ng, bà T) có đơn trình báo sự việc đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tuy Đức.

Quá trình điều tra xác định Th cho ông Ng, bà T vay lãi cụ thể như sau: số tiền gốc là 900.000.000 đồng, tiền lãi phát sinh từ ngày 17-3-2022 đến ngày 31-12-2022 là 6.097.000.000 đồng, trong đó tiền lãi đã trả cho Th là 1.362.900.000 đồng.

Mở rộng điều tra, xác định: Khoảng cuối năm 2021, ông Ng, bà T và bà Phạm Thị L cùng mua một lô đất diện tích 1.250 m² của anh Nguyễn Thành Đ tại thành phố Đ, tỉnh Bình Phước có giá trị 3.350.000.000 đồng (lô đất đứng tên ông Hà Thọ B và bà Lê Thị K). Do đến hạn thanh toán nhưng ông Ng không có tiền nên khoảng tháng 01-2022, ông Ng liên hệ với Th hỏi vay số tiền 2.200.000.000 đồng. Do không có tiền nên Th liên hệ với chị Hoàng Thị Như Q vay tiền. Sau đó, chị Q liên hệ hỏi vay anh Bùi Ngọc T nhưng anh T không có tiền cho vay nên liên hệ với chị Nguyễn Thị H vay số tiền 2.200.000.000 đồng thì chị H đồng ý cho vay với lãi suất 1.500 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày nhưng phải thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Anh Bùi Ngọc T báo lại cho chị Q đồng ý cho vay với lãi suất 2.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, chị Q tiếp tục báo lại cho Bùi Thị Th. Sau đó, Th và chị Q thống nhất báo cho ông Ng biết với lãi suất 2.500 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày và phải thế chấp tài sản thì ông Ng đồng ý.

Sáng ngày 28-01-2022, ông Ng, bà T, Bùi Thị Th, anh Bùi Ngọc T, chị Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Thành Đ, ông Hà Thọ B và bà Lê Thị K đến Phòng Công chứng Hoàng Mai K tại thành phố Đ, tỉnh Bình Phước, ký kết hợp đồng

chuyển nhượng quyền sử dụng đất nhằm mục đích thế chấp cho khoản vay 2.200.000.000 đồng. Sau khi ký kết xong, chị H đã chuyển số tiền 2.035.000.000 đồng vào tài khoản của Bùi Thị Th, giữ lại số tiền lãi suất theo thỏa thuận là 165.000.000 đồng/01 tháng. Bùi Thị Th tiếp tục chuyển khoản và đưa tiền mặt cho ông Ng là 2.035.000.000 đồng. Sau đó, ông Ng trả tiền mua đất cho anh Nguyễn Thành Đ.

Từ ngày 31-3-2022 đến ngày 08-6-2022, ông Ng chuyển vào tài khoản của Th số tiền lãi là 468.500.000 đồng. Sau khi nhận được tiền Th chuyển khoản cho chị Hoàng Thị Như Q, anh Bùi Ngọc T và chị Nguyễn Thị H theo thỏa thuận.

Ngày 08-6-2022, ông Ng, bà T, Bùi Thị Th, chị Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Thành Đ, ông Hà Thọ B, bà Lê Thị K, ông Lê Văn H và bà Lê Thị H đến Phòng Công chứng Hoàng Mai K tại thành phố Đ, tỉnh Bình Phước, hủy bỏ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đề ngày 28-01-2022, đồng thời ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất sang cho bên nhận chuyển nhượng là bà Lê Thị H. Sau đó, ông H và bà H thay ông Ng, bà T chuyển trả số tiền đã vay là 2.200.000.000 đồng cho chị Nguyễn Thị H.

Như vậy, tổng số tiền lãi 1.362.900.000 đồng ông Ng, bà T trả cho Th thì có 468.500.000 đồng tiền lãi của khoản vay 2.200.000.000 đồng, còn lại số tiền 894.400.000 đồng là tiền lãi của khoản vay 900.000.000 đồng.

Cách tính lãi suất và số tiền thu lợi bất chính được xác định như sau:

- Lãi suất % theo ngày = Lãi suất năm/365 ngày.

- Lãi suất % theo năm = Lãi suất ngày x 365 ngày.

- Số tiền thu lợi bất chính = số tiền lãi đã thu của người vay - số tiền lãi người cho vay được hưởng.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, thì trường hợp các bên thỏa thuận về lãi suất, thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay.

Với số tiền gốc cho vay: 900.000.000 đồng, thời hạn tính lãi từ ngày 17-3-2022 đến ngày 31-12-2022: 289 ngày thì số tiền lãi người cho vay được hưởng = $\{(900.000.000 \times 20\%/năm)/365\} \times 289 = 142.520.548$ đồng.

Số tiền thu lợi bất chính = 894.400.000 đồng - 142.520.548 đồng = 751.879.452 đồng.

Với số tiền gốc cho vay: 900.000.000 đồng, thời hạn tính lãi từ ngày 17-3-2022 đến ngày 31-12-2022 là 289 ngày, số tiền lãi hướng đến: 6.097.000.000 đồng. Lãi suất (tỷ lệ %/năm) = (tiền lãi vay x 365)/(số tiền cho vay x thời hạn tính lãi) = $(6.097.000.000 \times 365)/(900.000.000 \times 289) = 855,596\%/năm$, gấp 42,7 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự.

Bản án hình sự sơ thẩm số 37/2024/HS-ST ngày 22-7-2024 của Toà án nhân dân huyện Tuy Đức đã quyết định: Tuyên bố Bùi Thị Th phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Áp dụng khoản 2 Điều 201; các điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Bùi Thị Th 11 (mười một) tháng 09 (chín) ngày tù. Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo.

Ngày 02-8-2024, ông Tôn Long Ng kháng cáo toàn bộ nội dung bản án, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy Bản án sơ thẩm số 37/2024/HS-ST ngày 22-7-2024 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức để điều tra lại làm rõ nội dung vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Bùi Thị Th thừa nhận Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức xử phạt bị cáo về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự là đúng, không oan.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông, sau khi phân tích các tình tiết của vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: căn cứ điểm c khoản 1 Điều 355; điểm b khoản 1 Điều 358 của Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận một phần kháng cáo của ông Tôn Long Ng, hủy Bản án hình sự sơ thẩm số 37/2024/HS-ST ngày 22-7-2024 của Toà án nhân dân huyện Tuy Đức, chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức để điều tra, xét xử lại theo quy định của pháp luật.

Ông Nguyễn Văn Th là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Tôn Long Ng, bà Nguyễn Thị T trình bày: Bị cáo là mẹ đơn thân, hoàn cảnh gia đình khó khăn, mới ly hôn phải nuôi 02 con nhỏ, công việc không ổn định nên bị cáo cho rằng số tiền 900.000.000 đồng là tiền cá nhân dùng để cho vay là chưa phù hợp, mâu thuẫn. Bị cáo cho rằng cho vay không lấy lãi là không phù hợp vì trên thực tế bị cáo môi giới cho vay có hưởng lợi. Lời khai của ông Ng, bà T trong suốt quá trình điều tra thống nhất và xác định số tiền 900.000.000 đồng là số tiền lãi suất từ 02 khoản vay số tiền 2.200.000.000 đồng và 3.000.000.000 đồng. Trên thực tế, giá trị 03 thửa đất hơn 5.000.000.000 đồng nhưng bán 3.000.000.000 đồng là không phù hợp với sự thật khách quan. Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đảm bảo của khoản vay 3.000.000.000 đồng nếu trường hợp ông Ng, bà T không trả được thì sẽ chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông P (hợp đồng giả cách). Mặt khác, hồ sơ vụ án đã thể hiện tại các bảng sao kê từ ngân hàng có trong hồ sơ vụ án. Đồng thời, lời khai của bị cáo có rất nhiều mâu thuẫn. Hành vi của ông P đồng phạm với bị cáo về hành vi “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” số tiền 3.000.000.000 đồng nhưng cấp sơ thẩm không xem xét là bỏ lọt hành vi phạm tội của ông P làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông Ng, bà T. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo của ông Tôn Long Ng và bà Nguyễn Thị T, hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để điều tra lại theo quy định.

Bị cáo đồng ý với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Tôn Long Ng, bà Nguyễn Thị T đồng ý với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông, đề nghị Hội đồng xét xử hủy Bản án hình sự sơ thẩm số 37/2024/HS-ST ngày 22-7-2024 của Toà án nhân dân huyện Tuy Đức, chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức để điều tra, xét xử lại theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. *Về thủ tục tố tụng:* Đơn kháng cáo của ông Tôn Long Ng kháng cáo trong hạn luật định. Tuy nhiên, về phạm vi quyền kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 331 của Bộ luật Tố tụng hình sự “4. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người đại diện của họ có quyền kháng cáo phần bản án hoặc quyết định có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ.*” nên trong vụ án này ông Tôn Long Ng chỉ có kháng cáo về phần xử lý vật chứng và không có quyền kháng cáo về hình phạt, các nội dung khác của bản án sơ thẩm. Do đó, trong phạm vi xét xử phúc thẩm thì Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận xem xét một phần kháng cáo của ông Tôn Long Ng về xử lý vật chứng.

[2]. *Về nội dung của bản án sơ thẩm và nội dung kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Tôn Long Ng, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:*

[2.1]. Bản án hình sự sơ thẩm số 37/2024/HS-ST ngày 22-7-2024 của Toà án nhân dân huyện Tuy Đức đã tuyên bố Bùi Thị Th phạm tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*” theo khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự và xử phạt bị cáo 11 (*mười một*) tháng 09 (*chín*) ngày tù. Xét nội dung vụ án và căn cứ vào Kết luận điều tra, Cáo trạng truy tố xác định số tiền 900.000.000 đồng giữa bị cáo với ông Tôn Long Ng, bà Nguyễn Thị T xác lập ngày 17-3-2022 và ngày 28-12-2022 là số tiền nợ gốc không liên quan đến các khoản tiền khác.

[2.2]. *Xét kháng cáo của ông Tôn Long Ng, bà Nguyễn Thị T về xử lý vật chứng thì thấy:*

[2.2.1]. Kết quả xét hỏi công khai tại phiên tòa phúc thẩm, thẩm tra các tài liệu, chứng cứ được thu thập có trong hồ sơ vụ án, bị cáo thừa nhận chữ ký, chữ viết tại bút lục số 548 xác lập ngày 23-12-2022 thì phần ở phía trên có nội dung “2.200.000.000 hai tỷ hai trăm vạn chồng tôi thanh toán xong còn 3.000.000.000

ba tỷ đã trả xong chỉ chốt lại còn 900.000.000 chín trăm triệu” do bà Nguyễn Thị T viết ra, phần phía dưới có nội dung “Hôm nay ngày 23/12/2022 tôi làm chứng 02 quyển sổ của bà T với ông Ng đã hoàn trả đầy đủ” là chữ viết, chữ ký của bị cáo, đồng thời bị cáo thừa nhận số tiền “900.000.000 đồng” tại bút lục số 548 đề ngày 23-12-2022 với với số tiền “tạm tính 900.000.000 đồng” đề ngày 17-3-2022 là một khoản tiền. Quá trình điều tra và tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo thừa nhận ông Tôn Long Ng, bà Nguyễn Thị T có vay bị cáo số tiền 2.200.000.000 đồng và khi vay có xác lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đề ngày 28-01-2022 và bị cáo xác định hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 28-01-2022 giữa các bên là hợp đồng giả tạo để đảm bảo khoản vay 2.200.000.000 đồng. Thực tế, việc vay tiền, chuyển tiền, lãi suất và số tiền ông Ng, bà T thực nhận đối với khoản vay này như kết quả mở rộng điều tra của Cơ quan Điều tra đã kết luận như nêu ở trên.

[2.2.2]. Đối với khoản tiền 3.000.000.000 đồng giao dịch với ông P, bị cáo không thừa nhận là giao dịch vay tiền mà cho rằng việc xác lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Ng, bà T với ông P là có thật. Tuy nhiên, kết quả xét hỏi, làm rõ tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo thừa nhận cùng thời điểm xác lập hợp đồng chuyển nhượng thì ông P đã chuyển cho bị cáo số tiền 2.550.000.000 đồng và bị cáo đã chuyển qua tài khoản con gái của ông Ng và tài khoản của một người mà ông Ng có nợ theo yêu cầu của ông Ng tổng số tiền là 2.550.000.000 đồng và đưa tiền mặt là 450.000.000 đồng, tổng cộng là 3.000.000.000 đồng theo giá trị chuyển nhượng quyền sử dụng đất thực tế giữa ông P với ông Ng, bà T (Hợp đồng công chứng ghi giá chuyển nhượng là 200.000.000 đồng); còn ông Ng, bà T cho rằng theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Ng, bà T với ông P là giả tạo nhằm đảm bảo khoản vay 3.000.000.000 đồng vợ chồng ông bà vay của bị cáo Th (bị cáo Th nhận tiền từ ông P chuyển cho vợ chồng ông), thực tế ông bà chỉ nhận số tiền 2.550.000.000 đồng từ bị cáo Th, bên cho vay lấy trước tiền lãi 01 tháng là 450.000.000 đồng, không có việc bị cáo giao thêm 450.000.000 đồng tiền mặt như bị cáo trình bày, bị cáo không chứng minh được đã giao tiền mặt 450.000.000 đồng cho vợ chồng ông Ng.

[2.2.3]. Tài liệu chứng cứ thể hiện đến ngày 22-4-2022 thì ông Ng, bà T và ông P đến Văn phòng Công chứng hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa các bên xác lập ngày 22-02-2022 cùng ngày ông Ng, bà T đã chuyển cho ông P số tiền 3.000.000.000 đồng, đồng thời xác nhận bằng văn bản còn nợ ông P 205.000.000 đồng, theo ông Ng đây là tiền lãi chưa trả.

Như vậy, rõ ràng kết quả xét hỏi tại phiên tòa phúc thẩm cho thấy cả hai khoản tiền 2.200.000.000 đồng và 3.000.000.000 đồng có chung một quy luật đó là: Ban đầu vợ chồng ông Ng có nhu cầu vay tiền nên hỏi vay bị cáo, bị cáo

không có tiền nên thông qua mối quan hệ xã hội của bị cáo, bị cáo biết những người này có tiền và có nhu cầu cho vay để kiếm lời nên bị cáo đã làm trung gian kết nối với người cho vay, sau khi thống nhất số tiền vay và lãi suất thì người cho vay giữ lại trước số tiền lãi tương ứng với thời hạn vay các bên đã thỏa thuận, số tiền còn lại chuyển cho bị cáo và bị cáo chuyển khoản cho người cho vay (vợ chồng ông Ng, bà T), đồng thời người vay phải lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, công chứng cho người cho vay nhằm mục đích đảm bảo trả nợ số tiền vay, **ba bên đều không xác lập hợp đồng vay**. Đến hạn vợ chồng ông Ng trực tiếp chuyển trả khoản nợ vay cho người cho vay, đồng thời cũng là người đứng tên nhận chuyển nhượng ghi trong hợp đồng chuyển nhượng và hai bên ra công chứng lập văn bản thỏa thuận hủy hợp đồng chuyển nhượng các bên đã xác lập ban đầu, cụ thể ở đây là bà H (2.200.000.000 đồng) và ông P (3.000.000.000 đồng). Tình tiết này được chứng minh bởi nội dung bị cáo xác nhận “*Hôm nay ngày 23/12/2022 tôi làm chứng 02 quyển sổ của bà T với ông Ng đã hoàn trả đầy đủ*” tại bút lục số 548 xác lập ngày **23-12-2022**. Chỉ khi các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã thỏa thuận hủy bỏ và ông Ng, bà T còn nợ lại số tiền chưa trả thì bị cáo Th với vợ chồng ông Ng **mới xác lập văn bản xác nhận nợ** đề ngày 17-3-2022 và ngày 28-12-2022.

[2.2.4]. Như vậy có căn cứ xác định số tiền 900.000.000 đồng tạm tính đến ngày 17-3-2022 không phải là số tiền nợ gốc như kết luận điều tra và nội dung Cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố mà số tiền này có liên quan đến hai khoản tiền 2.200.000.000 đồng và 3.000.000.000 đồng như nhận định nêu trên nhưng quá trình điều tra Cơ quan Điều tra chưa điều tra làm rõ, cụ thể:

Đối với khoản tiền 2.200.000.000 đồng, quá trình điều tra đã mở rộng điều tra bị cáo và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đã thừa nhận và mức lãi suất các bên thỏa thuận không đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

Tuy nhiên, đối với khoản tiền 3.000.000.000 đồng quá trình điều tra Cơ quan Điều tra chưa lấy lời khai của tên P điều tra làm rõ về số tiền 2.550.000.000 đồng chuyển cho bị cáo Th cùng ngày với thời gian xác lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với vợ chồng ông Ng, bà T? giá nhận chuyển nhượng thực tế là bao nhiêu? P đã thanh toán số tiền này cho vợ chồng ông Ng, bà T như thế nào? Lý do đến ngày 22-4-2022 các bên ra công chứng hủy bỏ hợp đồng? tại thời điểm hủy bỏ hợp đồng vợ chồng ông Ng, bà T đã chuyển cho P số tiền bao nhiêu? Số tiền hai bên xác nhận nợ 205.000.000 đồng là tiền gì? Trường hợp đủ căn cứ xác định số tiền 3.000.000.000 đồng là tiền vay còn hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất là giả tạo nhằm đảm bảo trả nợ vay như nhận định nêu trên thì cần điều tra làm rõ mức lãi suất số tiền 450.000.000 đồng là tiền lãi của 01 tháng/3.000.000.000 đồng theo lời khai của

vợ chồng ông Ng là bao nhiêu %? Đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự không? Nếu có thì xác định có đồng phạm không?

Mặt khác, từ khi xác lập khoản vay 2.200.000.000 đồng và khoản tiền 3.000.000.000 đồng đến ngày hủy bỏ hợp đồng chuyển nhượng (ngày 22-4-2022 và ngày 08-6-2022) thì ông Ng, bà T nhiều lần chuyển tiền vào tài khoản của bị cáo để bị cáo chuyển trả tiền lãi cho người cho vay. Như vậy, số tiền lãi của hai khoản nợ này có thời gian song trùng với nhau nên cần làm rõ trong tổng số tiền vợ chồng ông Ng chuyển thì trả lãi cho khoản vay nào?

[3]. Từ những nhận định nêu trên, trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử cấp sơ thẩm chưa được điều tra làm rõ những nội dung nêu trên và nội dung này liên quan đến việc quyết định xử lý vật chứng trong vụ án. Mặt khác, tại phiên tòa bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đồng ý với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông đề nghị hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức điều tra lại theo quy định pháp luật. Do vậy, có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Tôn Long Ng. Tuyên hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức điều tra lại theo quy định pháp luật là phù hợp.

[4]. Về án phí: Do bản án bị hủy nên ông Tôn Long Ng không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 355; điểm b khoản 1 Điều 358 của Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận một phần kháng cáo của ông Tôn Long Ng.

1. Hủy Bản án sơ thẩm số 37/2024/HS-ST ngày 22-7-2024 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức và chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức để điều tra, xét xử lại theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí: Ông Tôn Long Ng không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC (Vụ I);
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Nông;
- CQTHAHS Công an tỉnh Đắk Nông;
- TAND huyện Tuy Đức;
- VKSND huyện Tuy Đức;
- Chi cục THADS huyện T;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: Tổ HCTP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Anh Ứng